

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 418/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;

2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

- *Thư ký ghi biên bản:* Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 326/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 592/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 686/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT: tổ 7, ấp B, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: tổ 25, ấp T, xã N, huyện A, An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1980, cư trú: tổ 7, ấp B, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa bà V vắng mặt có đơn ông N vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo cùng quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Bà V và ông N tiến đến hôn nhân do cha mẹ định đoạt, tổ chức đám cưới năm 2004 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào năm 2006. Chung sống tương đối hạnh phúc tuy nhiên khi ông N uống rượu thì lên tiếng xúc phạm bà cùng gia đình và nhiều lần đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà, hàng xóm và gia đình đã nói chuyện khuyên giải nhưng ông N vẫn không thay đổi. Bà V đã có ý định ly hôn với ông N nhiều lần nhưng thấy con còn nhỏ và gia đình hai bên hàn gắn nên cố gắng tiếp tục chung sống. Đến khoảng Tết Nguyên Đán năm 2022 ông N tiếp tục tình trạng trên và còn trầm trọng hơn, bà nhận thấy không được tôn trọng, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 24/01/2006, Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 23/01/2011 và Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 20/6/2017 hiện do bà V chăm sóc. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải tình cảm mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông N.

Cháu Nguyễn Thị Ngọc L có văn bản trình bày ý kiến: Hiện cháu đang học lớp 4 chuẩn bị lên lớp 5 trường Tiểu học A. Cha, mẹ cháu đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2022 đến nay, hiện nay cháu đang ở với mẹ và ông bà ngoại. Cha mẹ ly hôn cháu không có ý kiến, nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được tiếp tục ở với mẹ và không yêu cầu cha phải làm gì cho cháu.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tông đạt cho ông N theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông N và bà V để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo sổ hộ khẩu số 2680 có chủ hộ là ông Nguyễn Văn N được Công an xã Q cấp ngày 16/3/2011 thể hiện ông N vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp B, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang chưa tách chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C - cha ruột của bà V cho biết hôn nhân giữa ông N và bà V đúng như lời bà V trình bày. Ông N có tật rượu chè vào là lớn tiếng xúc phạm bà V, thậm chí là xúc phạm đến gia đình ông rồi đập phá đồ đạc trong nhà. Tình trạng này xảy ra nhiều năm nay, ban đầu ông có lên tiếng khuyên ngăn, ông N hứa sẽ thay đổi nhưng được một thời gian vẫn tái diễn và còn nghiêm trọng hơn trước. Bà V nhiều lần muốn ly hôn nhưng ông có lên tiếng khuyên ngăn hãy vì con cái mà cố gắng sống. Tuy nhiên, hiện nay ông N đã quá mức chịu đựng nên bà V ly hôn ông không có ý kiến.

Tại phiên tòa, bà V vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông N đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà V chung sống với ông N đến năm 2022 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông N hiện có địa chỉ cư trú tại xã Q, huyện A, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà V và ông N xây dựng gia đình dựa trên sự mai mối của gia đình hai bên, tự nguyện tổ chức lễ cưới năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 19/12/2006 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà V vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông N. Ông N nhận được các thông báo, Quyết định của Tòa án nhưng không đến thể hiện việc bỏ mặc không có ý định hàn gắn tình cảm với bà V.

Tại phiên tòa hôm nay bà V vắng mặt đã thể hiện việc kiên quyết ly hôn và không thể quay lại chung sống với ông N. Hội đồng xét xử xét thấy tuy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ đầu năm 2022 nhưng nguyên nhân mâu thuẫn đã tồn tại nhiều lần không được giải quyết. Đến nay, cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà V cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do trong quá trình chung sống ông N có tật rượu chè rồi lớn tiếng xúc phạm bà V cùng gia đình bà và nhiều lần đuổi mẹ con bà V ra khỏi nhà. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Văn C là cha ruột của bà V. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 24/01/2006, Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 23/01/2011 và Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 20/6/2017 hiện do bà V chăm sóc. Khi ly hôn bà V yêu cầu được nuôi dạy con chung.

Đối với yêu cầu của bà V về con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của cháu H do cháu đang đi làm xa, cháu L có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà V, cháu T chưa đủ 7 tuổi để ghi nhận ý kiến. Tuy nhiên, từ khi ông bà ly thân đến nay các con chung được bà V cùng gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt, tình cảm mẹ - con đã gắn bó việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này.

Do đó, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao các con chung cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà V không yêu cầu ông N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà V cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà V là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vị.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 99 ngày 19/12/2006 của Ủy ban nhân dân xã Q mang tên ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị V không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị V được tiếp tục nuôi dạy 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 24/01/2006, Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 23/01/2011 và Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 20/6/2017.

Công nhận tự nguyện của bà V không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà V cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007085 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà V nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/9/2022) thời hạn kháng cáo của bà V và ông N được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thảo Ngân